TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2023/QĐST-HNGĐ	*Q , ngày 19 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q , TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

+ Chị: Lương Thị Y , sinh ngày 03/11/1985.

Địa chỉ: Bản Tai G , xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh: Hà Văn N , sinh ngày 11/09/1984.

Địa chỉ: Bản Đ , xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chị Lương Thị Y và anh Hà Văn N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; nơi cư trú của các đương sự tại huyện Q , tỉnh Thanh Hóa nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q , tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của anh Lương Thị Y và anh Hà Văn N và Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 06/03/2004 do UBND xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở kết luận: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị Y và anh Hà Văn N là hợp pháp.

Chị Y và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/03/2004 tại UBND xã P , huyện Q . Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh N không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Y và anh N yêu cầu Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, chị Y và anh N đã thực sự tự nguyện ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu của anh chị, công nhận thuận tình ly hôn của anh N và chị Y theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con: Căn cứ lời trình bày của anh anh Niêm, chị Yến và bản sao Giấy khai sinh của các cháu Hà Văn T và Hà Mỹ T đủ cơ sở xác định cháu Hà Văn T , sinh ngày 15/06/2004 và cháu Hà Mỹ T , sinh ngày 20/10/2005 là con chung của anh chị Lương Thị Y và anh Hà Văn N . Anh, chị đã thỏa thuận, cháu Hà Văn T đã trên 18 tuổi, đã tự lao động, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu Hà Mỹ T giao chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh, chị yêu cầu Toà án công nhận sự thoả thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh chị. Sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con; phù hợp với nguyện vọng của cháu, nên có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về tài sản và các vấn đề khác: không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Toà án: Anh, chị thoả thuận, chị Y nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/7/2023, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; việc không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con của họ. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Lương Thị Y thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân của anh N , chị Y chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Lương Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Mỹ T , sinh ngày 20/10/2005 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số: 04 ngày 06/03/2004 của UBND xã P , huyện Q , tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lương Thị Y nộp lệ phí việc HN&GĐ sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số: AA/2021/0012890 ngày 20/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q . Chị Y đã nộp đủ lệ phí HN&GĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Q (03 bản);
- Chi cục THADS huyện Q ;
- UBND xã P , Q ;
- Lưu hồ sơ việc HN&GĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh